

Bản án số: 08/2018/DS – PT
Ngày: 05/01/2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các thẩm phán: Ông Phạm Kim Cửa

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 314/2017/TLPT- DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2017/DS – ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 314/2017/QĐPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh G, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/7/2017).

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A1, xã X1, huyện H, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà NLQ1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp A1, xã X1, huyện H, tỉnh Bến Tre

Ông T và bà NLQ1 hiện tạm trú tại: Ấp A2, xã X2, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 là ông T (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/8/2017).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Năm 2014 bà có bán lợn thịt cho ông Nguyễn Văn T với những lần như sau: lần thứ nhất, ngày 20/9/2014 bán được số tiền 56.160.000 đồng, lần thứ hai ngày 11/11/2014 là 14.850.000 đồng, lần thứ 3 ngày 14/11/2014 là 13.860.000 đồng. Trong những lần bán lợn trên chỉ lần bán ngày 20/9/2014 là có giấy chốt nợ với ông T, riêng hai lần bán sau thì không chốt nợ, mà bà chỉ ghi vào sổ để theo dõi. Ngày 17/12/2016 ông T trả được 1.000.000 đồng, số tiền còn lại 83.870.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Nay bà yêu cầu ông T và vợ ông T thanh toán số tiền trên.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T, đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 trình bày:

Ông xác định việc bà H có bán lợn thịt là đúng, nhưng ông không chấp nhận theo yêu cầu của bà H với lý do như sau:

Năm 2014 vợ chồng ông có mua lợn thịt của bà H với số tiền 84.870.000 đồng là có thật. Lần mua lợn ngày 20/9/2014 vợ chồng ông nợ bà H 56.160.000 đồng. Hai lần mua lợn sau với số tiền 28.710.000 đồng ông đã thanh toán xong cho bà H ngay sau khi mua. Số tiền nợ 56.160.000 đồng ông trả cho bà H được 1.000.000 đồng vào ngày 17/12/2016, hiện nay vợ chồng ông chỉ còn nợ bà H 55.160.000 đồng. Nay vợ chồng ông khó khăn về kinh tế, vợ chồng ông xin trả dần số tiền 55.160.000 đồng, còn trả số tiền 83.870.000 đồng theo yêu cầu của bà H ông không đồng ý.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử, tại bản án số: 58/2017/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tuyên:

Áp dụng các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 298, 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H đối với ông Nguyễn Văn T.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà NLQ1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 83.870.000 đồng (Tám mươi ba triệu tám trăm bảy chục ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Ngày 13/10/2017 ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn T trình bày: ông kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Ông không đồng ý trả cho bà H số tiền 83.870.000 đồng như bản án sơ thẩm tuyên. Ông chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 56.160.000 đồng theo giấy nợ ông ký ngày 20 tháng 9 năm 2014. Đối với số tiền 14.850.000 đồng của kỳ mua lợn thịt ngày 11 tháng 11 năm 2014 và số tiền 13.860.000 đồng của kỳ mua lợn thịt ngày 14 tháng 11 năm 2014 ông không đồng ý trả, vì ông đã trả xong cho bà H số tiền này. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc ông trả cho bà H số tiền 56.160.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H là ông Nguyễn Minh G trình bày: ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: ông T cho rằng đã trả cho bà H số tiền mua lợn thịt hai lần sau vào ngày 11 tháng 11 năm 2014 và 14 tháng 11 năm 2014 với số tiền 28.710.000 đồng, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh và không có ai làm chứng cho việc ông đã thanh toán số tiền hai lần sau. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trước đây giữa ông T và bà H có tiến hành mua bán lợn thịt và thịt lợn với nhau nhiều lần, đến ngày 20 tháng 9 năm 2014 thì chốt nợ lại với nhau, ông T còn thiếu bà H số tiền 56.160.000 đồng. Và vào ngày 17 tháng 12 năm 2016 ông T đã trả cho bà H số tiền 1.000.000 đồng. Sự kiện này được cả nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Bà H khởi kiện cho rằng trong khoảng thời gian từ ngày 20 tháng 9 năm 2014 đến ngày 14 tháng 11 năm 2014 vợ chồng ông T, bà NLQ1 có mua lợn thịt và thịt lợn của bà với số tiền 84.870.000 đồng. Trong đó ngày 20 tháng 9 năm 2014 ông T mua với số tiền 56.160.000 đồng, ngày 11 tháng 11 năm 2014 mua với số tiền 14.850.000 đồng, ngày 14 tháng 11 năm 2014 mua với số tiền 13.860.000 đồng. Và vào ngày 17 tháng 12 năm 2016 ông T đã trả cho bà số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại 83.870.000 đồng đến nay ông T chưa thanh toán. Nên nay bà yêu cầu bị đơn thanh toán tiếp số tiền 83.870.000 đồng.

Tuy nhiên, ông T không đồng ý với lời trình bày này của bà H, ông kháng cáo cho rằng hai lần mua lợn thịt sau, vào ngày 11 tháng 11 năm 2014 và ngày 14 tháng 11 năm 2014 với số tiền 28.710.000 đồng ông đã thanh toán xong cho bà H ngay sau khi mua. Vì bà H không đồng ý tiếp tục cho ông thiếu tiền mua lợn và hiện ông chỉ còn thiếu bà H số tiền 55.160.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh G cũng thừa nhận rằng sau khi chốt nợ vào ngày 20 tháng 9 năm 2014, thì giữa ông T và bà H có thỏa thuận là khi ông T mua lợn thịt thì phải trả tiền, bà H không đồng ý tiếp tục cho ông T thiếu thêm tiền. Lời trình bày này là phù hợp với trình bày của ông T.

Tuy nhiên, ông G lại cho rằng ngày 11 tháng 11 năm 2014 sau khi mua lợn thịt về làm, bán lấy tiền xong ông T không đem trả tiền cho bà H với lý do con ông T bị bệnh. Nhưng đến ngày 14 tháng 11 năm 2014 bà H lại tiếp tục cho ông T mua lợn thịt thiếu với số tiền 13.860.000 đồng, cả hai khoản tiền này đến nay ông T vẫn chưa trả. Lời trình bày của ông G là không phù hợp.

Do đó, ông T kháng cáo cho rằng đối với số tiền 14.850.000 đồng của kỳ mua lợn thịt ngày 11 tháng 11 năm 2014 và số tiền 13.860.000 đồng của kỳ mua lợn thịt ngày 14 tháng 11 năm 2014 ông đã trả xong cho bà H là có căn cứ chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông T phải trả cho bà H số tiền 83.870.000 đồng là chưa đánh giá toàn diện chứng cứ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, nên cần chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông T và vợ liên đới trả cho bà H số tiền 56.160.000 đồng.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 298, 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, 30 Luật Hôn nhân

và Gia đình, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Sửa Bản án sơ thẩm số: 58/2017/DS- ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại. Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H đối với ông Nguyễn Văn T, đối với yêu cầu buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà NLQ1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà số tiền 55.160.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H, đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T, bà NLQ1 liên đới trả cho bà số tiền 28.710.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

3. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà NLQ1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 55.160.000 đồng (Năm mươi lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà Nguyễn Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án nếu số tiền nêu trên chưa được vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà NLQ1 thi hành án, thì hàng tháng ông T và bà NLQ1 còn phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T và bà NLQ1 phải liên đới chịu là 2.758.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu số tiền là 1.435.500 đồng (một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.122.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi hai ngàn đồng), theo biên lai thu ngày 0005537 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Đại có trách nhiệm hoàn lại cho bà H số tiền 686.500 đồng (Sáu trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn T không phải chịu. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Đại có trách nhiệm hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006007 ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện Bình Đại(1b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương